

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 11 năm 2021

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần H T**, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Nguyễn T U**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, nguyên đơn ông Trần H T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn T U chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1993, hôn nhân nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà U thường tự ý quyết định mọi chuyện, muốn là gì thì làm, không bàn bạc với gia đình. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Trần C Đ, sinh năm 1994 và Trần C L, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn T U: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã

tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà U vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn T U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Ông Trần H T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần H T và bà Nguyễn T U chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993 đến nay, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà U là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Nay ông T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận ông T và bà U là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông T và bà U có được 02 người con chung tên Trần C Đ, sinh năm 1994 và Trần C L, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần H T và bà Nguyễn T U là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/5/2021 ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001039 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông T và bà U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang